

5. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
6. Một Ủy viên phụ trách tổ chức.
7. Một Ủy viên phụ trách thanh tra.
8. Một Ủy viên phụ trách tài chính.
9. Một Ủy viên phụ trách Văn phòng.

Riêng những quận, thành phố thuộc tỉnh, nếu có nhu cầu thật cần thiết có thể bố trí 3 Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân để phụ trách ba lĩnh vực: kinh tế; văn hóa - xã hội; đô thị. Việc bố trí 3 Phó Chủ tịch nói trên do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Ở những quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có dưới 10 vạn dân có thể bố trí 7 thành viên Ủy ban Nhân dân. Dựa vào các lĩnh vực công tác nói trên mà phân công phụ trách các lĩnh vực công tác cho từng thành viên trong số 7 thành viên cho phù hợp.

E. Ủy ban Nhân dân xã, thị trấn gồm có 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên. Các thành viên được phân công phụ trách từng lĩnh vực như sau:

1. Chủ tịch phụ trách chung, kinh tế và đất đai.
2. Một Phó Chủ tịch phụ trách nội chính, Trưởng công an.
3. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
4. Một Ủy viên phụ trách tài chính.
5. Một Ủy viên phụ trách văn hóa - xã hội, thông tin.
6. Một Ủy viên phụ trách giao thông, thủy lợi.
7. Một Ủy viên phụ trách Văn phòng.

Ở những xã có dưới 3.000 dân và địa hình ít phức tạp, có thể bố trí 5 thành viên Ủy ban Nhân dân. Việc phân công phụ trách lĩnh vực công tác cho từng thành viên trong 5 thành viên này dựa vào lĩnh vực công tác trên và theo tình hình thực tế của địa phương mà quy định.

G. Ủy ban Nhân dân phường gồm có 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 5 Ủy viên, được phân công cụ thể như sau:

1. Chủ tịch phụ trách chung, nội chính, an ninh, đô thị.
2. Một Phó Chủ tịch phụ trách văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục, thể dục thể thao.

3. Một Ủy viên phụ trách công an.
4. Một Ủy viên phụ trách quân sự.
5. Một Ủy viên phụ trách tài chính.
6. Một Ủy viên phụ trách nhà đất.
7. Một Ủy viên phụ trách lao động, thương binh và xã hội.

Điều 2. - Những quy định tại các Điểm A, B, C, D, E, G được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước, cần cố gắng bố trí một tỷ lệ cán bộ nữ và dân tộc có đủ tiêu chuẩn vào Ủy ban Nhân dân các cấp.

Trong quá trình thực hiện Nghị định này có gì vướng mắc thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết.

Điều 3. - Giao Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 4. - Nghị định này được thi hành để bố trí cơ cấu thành viên Ủy ban Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994 - 1999. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 176-CP ngày 20-10-1994 về việc thi hành Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 29 tháng 8 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Những Bà mẹ được tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" theo Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" là những bà mẹ có nhiều cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Có 2 con là liệt sĩ và có chồng hoặc bản thân là liệt sĩ;
2. Có 2 con mà cả 2 con là liệt sĩ hoặc chỉ có 1 con mà con đó là liệt sĩ;
3. Có từ 3 con trở lên là liệt sĩ;
4. Có 1 con là liệt sĩ, chồng và bản thân là liệt sĩ.

Người con là liệt sĩ bao gồm con đẻ và con nuôi của Bà mẹ được pháp luật thừa nhận, và đã được Chính phủ tặng Bằng Tổ quốc ghi công.

Bà mẹ có đủ 1 trong 4 trường hợp nêu trên do phải chịu đựng nỗi đau mất con, mất chồng mà bị bệnh tâm thần, vẫn được tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Bà mẹ có đủ 1 trong 4 trường hợp nêu trên, còn có con tham gia hàng ngũ địch, nhưng bà mẹ có thái độ chính trị tốt thì vẫn được xem xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Người chồng là liệt sĩ nói ở Điều này là người đã được Chính phủ tặng Bằng "Tổ quốc ghi công" mà Bà mẹ là vợ của người đó được hưởng chế độ tuất liệt sĩ.

Điều 2. - Những Bà mẹ được tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" được cấp Bằng và Huy chương "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" kèm theo khoản tiền một lần ba triệu đồng và được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công với cách mạng.

Những Bà mẹ được truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" thì Bằng, Huy chương "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và khoản tiền một lần ba triệu đồng được trao cho thân nhân đang đảm nhiệm việc thờ cúng bà mẹ đó. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi có thân nhân cư trú xem xét, quyết định việc trao tặng này.

Điều 3. - Thẩm quyền và thủ tục đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường lập danh sách những bà mẹ thuộc đối tượng tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" báo cáo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện, quận.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức khác có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường kiểm tra, xác minh danh sách đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" của địa phương mình.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện, quận thẩm tra, xác minh, và tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp danh sách đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" của địa phương mình trình Thủ tướng Chính phủ (qua Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước); đồng thời gửi văn bản về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng.

3. Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng và các cơ quan có liên quan giúp Thủ tướng Chính phủ thẩm tra, tổng hợp danh sách những Bà mẹ được đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Chủ tịch nước quyết định.

4. Hồ sơ đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" của các địa phương gồm:

a) Bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kèm theo danh sách những Bà mẹ được đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" 1 bản gửi Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước,

1 bản gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 1 bản gửi Bộ Quốc phòng.

b) Bản kê khai danh sách về từng bà mẹ do Ủy ban Nhân dân xã, phường lập và biên bản cuộc họp kiểm tra xác minh của các đoàn thể chính trị, xã hội nói trên.

Điều 4. - Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm số lượng Bằng và Huy chương "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" theo mẫu được Thủ tướng Chính phủ thông qua.

- Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc vận dụng các trường hợp nêu tại Điều 1 của Nghị định này để xét tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

- Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí làm Bằng, Huy chương và tiêu chuẩn tiên được hưởng một lần của "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Kinh phí tổ chức lễ trao tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ở các địa phương do ngân sách Nhà nước bảo đảm; Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện.

Điều 5. - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức lễ trao tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ở địa phương bảo đảm trang trọng, thiết thực.

Điều 6. - Những bà mẹ được tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" mà tỏ ra không còn xứng đáng với danh hiệu ấy nữa thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần xem xét thật cụ thể, hết sức thận trọng, lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân ở cơ sở, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét; Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định.

Điều 7. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 12 năm 1994.

Các địa phương tiến hành lập danh sách đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" vào dịp kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22-12-1994, vào dịp kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2-9-1995; sau đó, hàng năm đề nghị xét tặng vào dịp Quốc khánh 2-9.

Điều 8. - Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Viện trưởng Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 477-TTg ngày 5-9-1994 ban hành Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 97-CP ngày 10-12-1993 về việc thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 62-CP ngày 22-9-1993 về việc quản lý và sử dụng con dấu;

Theo đề nghị của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (tờ trình số 20-ĐHQGHN ngày 2-7-1994),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. - Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIỆT